

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch
Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Ủy viên

##### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Xuân Hải	Giám đốc
Ông Cao Xuân Vinh	Phó Giám đốc

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Xuân Hải**  
**Giám đốc**

*Ngày 19 tháng 3 năm 2012*

Số: /2012/BCKT-IFC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**  
**của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được lập ngày 19 tháng 03 năm 2012 từ trang 4 đến trang 25 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến soát xét về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 19 tháng 3 năm 2012

---

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011MẪU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>136.751.580.245</b>	<b>104.671.898.098</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2.969.709.693</b>	<b>268.339.552</b>
1. Tiền	111	V.1	2.969.709.693	268.339.552
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>83.809.292.455</b>	<b>75.633.717.725</b>
1. Phải thu khách hàng	131		81.845.693.495	67.435.455.220
2. Trả trước cho người bán	132		1.683.364.000	8.457.259.880
5. Các khoản phải thu khác	135		396.469.965	-
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(116.235.005)	(258.997.375)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>49.465.811.850</b>	<b>25.611.589.958</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.2	49.465.811.850	25.611.589.958
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>506.766.247</b>	<b>3.158.250.863</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.3	296.208.017	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	210.558.230	3.158.250.863
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>52.697.732.443</b>	<b>25.450.934.403</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.097.732.443</b>	<b>24.850.934.403</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	47.407.922.475	20.876.660.798
- Nguyên giá	222		87.818.963.181	51.842.646.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.411.040.706)	(30.965.985.202)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	4.689.809.968	3.974.273.605
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	600.000.000	600.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>189.449.312.688</b>	<b>130.122.832.501</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN(Tiếp theo)**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**

MÃU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>132.961.851.756</b>	<b>81.617.688.286</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.099.811.450</b>	<b>76.562.806.454</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	67.645.223.124	38.298.399.377
2. Phải trả người bán	312		40.672.611.518	27.807.866.144
3. Người mua trả tiền trước	313		102.000.000	102.000.009
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	3.716.223.400	2.461.875.358
5. Phải trả người lao động	315		2.501.881.647	2.920.982.144
6. Chi phí phải trả	316	V.10	2.771.988.701	1.910.081.577
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	347.016.778	294.618.793
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5.342.866.282	2.766.983.052
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.862.040.306</b>	<b>5.054.881.832</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	8.537.957.400	3.613.906.868
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.324.082.906	1.440.974.964
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>56.487.460.932</b>	<b>48.505.144.215</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>56.487.460.932</b>	<b>48.505.144.215</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.999.890.000	29.999.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		43.029.496	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.973.153.216	757.545.411
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.706.239.725	3.418.298.110
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.315.153.950	12.879.416.149
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>189.449.312.688</b>	<b>130.122.832.501</b>

**Nguyễn Xuân Hải**  
**Giám đốc**

Ngày 19 tháng 3 năm 2012

**Trần Thị Hồng Thái**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	469.294.630.512	310.153.800.037
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	8.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	469.294.630.512	310.145.800.037
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	408.442.689.507	268.453.325.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.851.941.005	41.692.474.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	259.205.926	358.069.948
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.274.715.406	8.873.792.316
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.016.258.081	6.929.991.158
8. Chi phí bán hàng	24		17.641.232.946	9.948.420.821
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.642.204.079	5.897.721.224
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.552.994.500	17.330.610.315
11. Thu nhập khác	31		154.231.025	81.330.760
12. Chi phí khác	32		210.560.576	170.422.150
13. Lợi nhuận khác	40		(56.329.551)	(89.091.390)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.496.664.949	17.241.518.925
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	5.181.510.999	4.372.069.941
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15.315.153.950	12.869.448.984
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	5.105	4.481

Nguyễn Xuân Hải  
Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Trần Thị Hồng Thái  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 03-DN  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	406.839.808.481	267.281.690.816
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(351.967.946.653)	(235.208.696.230)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.343.871.303)	(16.607.176.469)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.554.210.882)	(6.743.188.680)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.625.392.330)	(5.987.940.550)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	714.111.330	3.999.655.615
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(21.981.801.073)	(8.022.215.779)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.919.302.430)</b>	<b>(1.287.871.277)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(22.280.169.061)	(8.013.303.375)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.093.770	51.287.026
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(22.249.075.291)</b>	<b>(7.962.016.349)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	3.047.980.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	355.004.969.423	215.171.535.810
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(321.635.238.061)	(207.181.908.300)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.499.983.500)	(1.898.364.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>28.869.747.862</b>	<b>9.139.243.510</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>2.701.370.141</b>	<b>(110.644.116)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>268.339.552</b>	<b>377.175.863</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.807.805
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>2.969.709.693</b>	<b>268.339.552</b>

Nguyễn Xuân Hải  
 Giám đốc  
 Ngày 19 tháng 3 năm 2012

Trần Thị Hồng Thái  
 Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Nhà máy Nhựa - Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900531222 cấp lần đầu ngày 03 tháng 01 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần 04 ngày 27 tháng 04 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần thay đổi lần 04, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 29.999.890.000 đồng (Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 2.999.989 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- In bao bì;
- Sản xuất, mua bán bao bì xi măng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy Krap, máy móc sản xuất bao bì);
- Kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; và
- Mua bán xi măng.

Tổng số lao động tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 380 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2011 là 338 người).

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty cũng đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khố 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15
Máy móc thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	04 - 06
Dụng cụ quản lý	03 - 05

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có thể thu hồi được các lợi ích kinh tế và có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua, được người mua chấp nhận thanh toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC. Theo đó, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện đang được ghi nhận trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc mục vốn chủ sở hữu trên Bảng Cân đối kế toán là 43.029.496 đồng (Thuyết minh số V.13), làm lợi nhuận trên Báo cáo kết quả kinh doanh giảm đi một khoản tương ứng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	74.475.274	161.149.664
Tiền gửi ngân hàng	2.895.234.419	107.189.888
<b>Cộng</b>	<b>2.969.709.693</b>	<b>268.339.552</b>

**2. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	1.912.010.400	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.830.346.689	14.938.891.572
Công cụ, dụng cụ	862.407.163	678.049.836
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.193.209.192	7.618.793.756
Thành phẩm	5.667.838.406	2.375.854.794
<b>Cộng</b>	<b>49.465.811.850</b>	<b>25.611.589.958</b>

**3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	296.208.017	-
<b>Cộng</b>	<b>296.208.017</b>	<b>-</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	136.827.110	112.092.063
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	73.731.120	3.046.158.800
<b>Cộng</b>	<b>210.558.230</b>	<b>3.158.250.863</b>

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Formatted: Left: 2.41 cm, Right: 1.98 cm, Top: 1.52 cm, Bottom: 1.52 cm, Width: 21 cm, Height: 29.69 cm

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	4.747.054.409	44.931.049.667	1.704.536.635	460.005.289
Mua trong năm	18.599.063.394	15.053.271.103	2.362.545.454	94.818.182
Thanh lý, nhượng bán	-	133.380.952	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>23.346.117.803</b>	<b>59.850.939.818</b>	<b>4.067.082.089</b>	<b>554.823.471</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2011	2.676.348.097	27.273.329.404	816.330.610	199.977.091
Khấu hao trong năm	877.115.048	8.040.512.680	522.044.300	138.764.428
Thanh lý, nhượng bán	-	133.380.952	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>3.553.463.145</b>	<b>35.180.461.132</b>	<b>1.338.374.910</b>	<b>338.741.519</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2011	<b>2.070.706.312</b>	<b>17.657.720.263</b>	<b>888.206.025</b>	<b>260.028.198</b>
Tại ngày 31/12/2011	<b>19.792.654.658</b>	<b>24.670.478.686</b>	<b>2.728.707.179</b>	<b>216.081.952</b>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.126.070.267 đồng.
- Giá trị còn lại tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là 349.444.502 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự án đầu tư cơ sở 2 tại KCN Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	4.689.809.968	3.974.273.605
<b>Cộng</b>	<b>4.689.809.968</b>	<b>3.974.273.605</b>

**7. Đầu tư dài hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2011		Tại ngày 01/01/2011	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn (*)	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000</b>	<b>600.000.000</b>	<b>60.000</b>	<b>600.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn hiện đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

**8. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>65.150.445.524</b>	<b>36.739.444.045</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh	40.379.429.624	28.706.440.915
+ Bảng Việt Nam Đồng	{i} 40.379.429.624	22.004.512.915
+ Bảng Đô la Mỹ	-	6.701.928.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	2.761.015.900	633.003.130
+ Bảng Việt Nam Đồng	{ii} 2.761.015.900	633.003.130
Vay cá nhân	{iii} 22.010.000.000	7.400.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>2.494.777.600</b>	<b>1.558.955.332</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh	1.424.635.200	509.289.732
+ Bảng Đô la Mỹ	1.424.635.200	509.289.732
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	1.070.142.400	1.049.665.600
+ Bảng Việt Nam Đồng	845.200.000	845.200.000
+ Bảng Đô la Mỹ	224.942.400	204.465.600
(Thuyết minh số V.12)		
<b>Cộng</b>	<b>67.645.223.124</b>	<b>38.298.399.377</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****8. Vay ngắn hạn (tiếp theo)**

{i}: Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo hợp đồng tín dụng từng lần với thời hạn vay khoảng 6 tháng. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo lãi suất cho vay áp dụng theo thông báo lãi suất của ngân hàng vay tại thời điểm rút vốn và cố định theo từng Giấy nhận nợ.

{ii}: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 81.11.NAN/HM.30/367001.01 ngày 7 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Nghệ An và Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh với hạn mức cho vay là 20 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ thời điểm ký hợp đồng tín dụng này đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2012. Thời hạn cho vay cụ thể theo mỗi lần giải ngân được ghi trên từng Khế ước vay nhưng tối đa không vượt quá 5 tháng. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất thả nổi, xác định tại từng thời điểm ký khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay trên từng khế ước nhận nợ có thời hạn đến 03 tháng là cố định, khế ước nhận nợ có thời hạn trên 03 tháng được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa và/hoặc quyền đòi nợ số 66.11.NAN/TCPT-HTK.05/367001.01 ngày 7 tháng 06 năm 2011. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 40 tỷ đồng trong đó hàng tồn kho là 21 tỷ đồng, phải thu khách hàng là 19 tỷ đồng.

{iii}: Các khoản vay ngắn hạn của các cá nhân không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Ngân hàng.

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	328.087.393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.669.379.939	2.113.261.270
Thuế thu nhập cá nhân	46.843.461	20.526.695
<b>Cộng</b>	<b>3.716.223.400</b>	<b>2.461.875.358</b>

**10. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	485.787.642	178.023.069
Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép	520.239.000	456.173.096
Trích trước tiền điện sản xuất	626.131.745	605.376.812
Trích trước tiền vận chuyển	1.139.830.314	670.508.600
	<b>2.771.988.701</b>	<b>1.910.081.577</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	304.992.882	189.028.842
Bảo hiểm xã hội	42.023.896	63.628.476
Các khoản phải trả khác	-	41.961.475
<b>Cộng</b>	<b>347.016.778</b>	<b>294.618.793</b>

**12. Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Vinh {i}	8.751.925.600	1.893.200.000
+ <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	<i>8.751.925.600</i>	<i>1.893.200.000</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An {ii}	2.280.809.400	3.279.662.200
+ <i>Bảng Việt Nam Đồng</i>	<i>1.722.619.000</i>	<i>2.567.819.000</i>
+ <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	<i>558.190.400</i>	<i>711.843.200</i>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số V.8)	2.494.777.600	1.558.955.332
<b>Cộng</b>	<b>8.537.957.400</b>	<b>3.613.906.868</b>

**{i}: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh:**

- Hợp đồng tín dụng số 523/09/NHNT ngày 8 tháng 4 năm 2009 để đầu tư máy tráng màng bao xi măng, tổng số tiền vay là 115.000 USD, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 4%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của bên cho vay theo từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2009 đến ngày 10 tháng 06 năm 2014. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 6.100 USD và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 10 tháng 12 năm 2009. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 60.100 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 658/09/NHNT ngày 29 tháng 4 năm 2009 để đầu tư máy in bao bì PP, tổng số tiền vay là 24.700 USD, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 4%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của bên cho vay theo từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 16 tháng 06 năm 2009 đến ngày 16 tháng 06 năm 2014. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 1.300 USD và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 16 tháng 12 năm 2009. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 400 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 1132/NHNT ngày 16 tháng 8 năm 2010 để đầu tư dây chuyền thiết bị sợi + dệt mạnh bao xi măng (01 máy sợi và 12 máy dệt), tổng số tiền vay là 384.000 USD, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 7,5%/năm, lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của bên cho vay theo từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2011 đến ngày 25 tháng 01 năm 2016. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 20.000 USD và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 07 năm 2011. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 308.000 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 846/NHNT ngày 22 tháng 07 năm 2011. Mục đích vay để đầu tư máy dệt 6 thoi Ấn Độ. Thời hạn vay 60 tháng từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của bên cho vay từng thời kỳ. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của Bên vay (tổng giá trị 33.153.711.906 đồng) và tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 21 tháng 08 năm 2012, kỳ trả nợ cuối cùng là 21 tháng 11 năm 2016. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 51.700 USD.

**{ii}: Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An:**

- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15 tháng 6 năm 2009 để đầu tư máy tạo ống 15 MP, tổng số tiền vay là 43.000 USD, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 4%/năm trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Phụ lục ngày 15 tháng 4 năm 2010 kèm theo hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15 tháng 06 năm 2009 được sửa đổi với lãi suất tối thiểu là 8,3%/năm. Khoản vay trên với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 28 tháng 04 năm 2010 đến ngày 28 tháng 04 năm 2014. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 2.700 USD và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 7 năm 2010. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 26.800 USD.
- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15 tháng 6 năm 2009, tổng số tiền vay là 554.370.000 đồng, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2010 đến ngày 20 tháng 01 năm 2014. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 34.600.000 đồng và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 4 năm 2010. Dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 312.170.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 07 tháng 12 năm 2009, tổng số tiền vay là 554.370.000 đồng, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 12%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2009 đến tháng 12 năm 2013. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 34.500.000 đồng và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2010. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 278.370.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 19 tháng 11 năm 2009, tổng số tiền vay là 482.679.000 đồng, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 10,50%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2009 đến ngày 19 tháng 11 năm 2013. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 30.200.000 đồng và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2010. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 241.079.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/DH.48/367001.02 ngày 11 tháng 11 năm 2009, tổng số tiền vay là 1.787.000.000 đồng, với lãi suất vay tại thời điểm vay là 10,50%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo quy định từng thời kỳ. Khoản vay trên với thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2009 đến ngày 11 tháng 11 năm 2013. Nợ gốc được trả 03 tháng/lần, mỗi lần là 112.000.000 đồng và kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25 tháng 01 năm 2010. Dư nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 891.000.000 đồng.

*Các khoản vay dài hạn có gốc vay trả nợ theo lịch biểu:*

	<b>Trong 1 năm VND</b>	<b>Từ 1 năm đến 3 năm VND</b>	<b>Sau năm thứ 3 VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			
- CN Vinh	1.424.635.200	4.594.656.800	2.732.633.600
+ <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	<i>1.424.635.200</i>	<i>4.594.656.800</i>	<i>2.732.633.600</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	1.070.142.400	2.088.070.000	-
+ <i>Bảng Việt Nam Đồng</i>	<i>845.200.000</i>	<i>877.419.000</i>	<i>-</i>
+ <i>Bảng Đô la Mỹ</i>	<i>224.942.400</i>	<i>1.210.651.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>2.494.777.600</u></b>	<b><u>6.682.726.800</u></b>	<b><u>2.732.633.600</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>18.983.640.000</b>	-	-	<b>1.519.403.148</b>	<b>1.696.609.484</b>	<b>15.328.489.424</b>	<b>37.528.142.056</b>
Tăng vốn trong năm trước	11.016.250.000	1.524.540.000	-	-	-	-	12.540.790.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.869.448.984	12.869.448.984
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.729.852.263	1.721.688.626	(15.318.522.259)	(4.866.981.370)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(9.491.710.000)	-	-	(9.491.710.000)
Tăng khác	-	-	386.017.151	-	-	-	-
Giảm khác	-	(74.545.455)	(386.017.151)	-	-	-	(460.562.606)
<b>Tại ngày 01/01/2011</b>	<b>29.999.890.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	-	<b>757.545.411</b>	<b>3.418.298.110</b>	<b>12.879.416.149</b>	<b>48.505.144.215</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	15.315.153.950	15.315.153.950
Tăng khác	-	-	43.029.496	-	-	-	43.029.496
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(4.499.983.500)	(4.499.983.500)
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.215.607.805	1.287.941.615	(5.503.549.420)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.575.883.229)	(2.575.883.229)
Chi thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>29.999.890.000</b>	<b>1.449.994.545</b>	<b>43.029.496</b>	<b>4.973.153.216</b>	<b>4.706.239.725</b>	<b>15.315.153.950</b>	<b>56.487.460.932</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. Vốn chủ sở hữu***b. Cổ phần*

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	2.999.989	2.999.989
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	2.999.989	2.999.989
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>2.999.989</i>	<i>2.999.989</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	2.999.989	2.999.989
<i>Cổ phần phổ thông</i>	<i>2.999.989</i>	<i>2.999.989</i>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>469.294.630.512</b>	<b>310.153.800.037</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa	469.294.630.512	310.074.586.837
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	<i>454.235.144.309</i>	<i>310.074.586.837</i>
<i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	<i>15.059.486.203</i>	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	79.213.200
<b>Cộng</b>	<b>469.294.630.512</b>	<b>310.153.800.037</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
- Giảm giá hàng bán	-	8.000.000
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>469.294.630.512</b>	<b>310.145.800.037</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa	408.442.689.507	268.453.325.309
<i>Giá vốn thành phẩm</i>	<i>393.744.529.755</i>	<i>268.453.325.309</i>
<i>Giá vốn nguyên vật liệu</i>	<i>14.698.159.752</i>	
<b>Cộng</b>	<b>408.442.689.507</b>	<b>268.453.325.309</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.093.770	51.287.026
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	40.003.119
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228.112.156	266.779.803
<b>Cộng</b>	<b>259.205.926</b>	<b>358.069.948</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	13.016.258.081	6.929.991.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.065.682.825	1.803.100.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	192.774.500	-
Chi phí tài chính khác	-	140.700.680
<b>Cộng</b>	<b>15.274.715.406</b>	<b>8.873.792.316</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20.496.664.949</b>	<b>17.241.518.925</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>229.379.046</b>	<b>246.760.839</b>
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	229.379.046	246.760.839
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>20.726.043.995</b>	<b>17.488.279.764</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>5.181.510.999</b>	<b>4.372.069.941</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.181.510.999</b>	<b>4.372.069.941</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)****6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>15.315.153.950</b>	<b>12.869.448.984</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>15.315.153.950</b>	<b>12.869.448.984</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.999.989	2.872.211
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5.105</b>	<b>4.481</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính.

**2. Thông tin về các bên liên quan***Thông tin chung về các bên liên quan***Bên liên quan****Mối quan hệ**

- |   |  |
|---|--|
| 1. Công ty Hợp tác Kinh tế - Quận khu 4<br>(187 đường Nguyễn Du, TP Vinh, tỉnh Nghệ An)       | Công ty mẹ   |
| 2. Công ty TNHH một thành viên Xi măng Thanh Sơn<br>(Xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An) | Công ty con của Công ty Hợp tác Kinh tế - Quận khu 4 |

*Trong năm 2011, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	3.342.600.000	4.337.695.100
<b>Số dư với các bên liên quan như sau:</b>		
	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Thanh Sơn	660.718.404	733.858.404



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)****2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

*Các giao dịch vay của Công ty từ Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các bên liên quan:*

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tiền vay</b>		
Bà Phạm Thị Nguyệt - Ủy viên HĐQT	956.200.000	670.000.000
<b>Lãi vay phải trả</b>		
Bà Phạm Thị Nguyệt - Ủy viên HĐQT	168.146.168	71.283.757

*Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm 2011:*

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	690.118.518	579.573.726
Ban Giám đốc	636.375.341	471.058.200

**3. Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm 2010, Công ty thực hiện bổ sung vốn đầu tư của chủ sở hữu với số tiền là 9.491.710.000 đồng (tương đương 949.171 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) từ quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết số Số 10/NQ-ĐHĐCĐ/2010 ngày 07 tháng 05 năm 2010 của Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Công ty đã tính số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm dựa trên số cổ phiếu lưu hành đầu năm và số cổ phiếu tăng trong năm (kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2010). Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2010 sẽ được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của các yếu tố trên như sau:

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>Trước điều chỉnh</b>	<b>Sau điều chỉnh</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>12.869.448.984</b>	<b>12.869.448.984</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế	-	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>12.869.448.984</b>	<b>12.869.448.984</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	2.086.325	2.872.211
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>6.168</b>	<b>4.481</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH**

Khối 8, phường Bến Thủy,  
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh.

---

**Nguyễn Xuân Hải**  
**Giám đốc**

*Ngày 19 tháng 3 năm 2012*

---

**Trần Thị Hồng Thái**  
**Kế toán trưởng**